

# DỰ THẢO ÁN LỆ SỐ 03<sup>1</sup>

## ÁN LỆ SỐ /2022/AL

### Về việc xác định thời hiệu khởi kiện trong vụ án hành chính

Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày tháng năm 2022 và được công bố theo Quyết định số /QĐ-CA ngày tháng năm 2022 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

#### **Nguồn án lệ:**

Quyết định giám đốc thẩm số 16/2021/HC-GĐT ngày 06/7/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về vụ án “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” giữa người khởi kiện là anh Nguyễn Trung T và người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện S.

#### **Vị trí nội dung án lệ:**

Đoạn 6 phần “Nhận định của Tòa án”.

#### **Khái quát nội dung của án lệ:**

##### **- Tình huống án lệ:**

Người khởi kiện là đối tượng bị tác động trực tiếp bởi Quyết định hành chính, mặc dù người khởi kiện đã biết về việc ban hành Quyết định hành chính nhưng không nhận được Quyết định hành chính.

##### **- Giải pháp pháp lý:**

Trường hợp này, Tòa án phải xác định thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính được tính từ ngày người khởi kiện nhận được Quyết định hành chính.

#### **Quy định của pháp luật liên quan đến án lệ:**

- Điều 104 Luật Tố tụng hành chính năm 2010 (trương ứng với Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015);

- Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 02/2011/HĐTP ngày 29/11/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị quyết số 56/2010/QH12 ngày 24/11/2010 của Quốc hội về việc thi hành Luật Tố tụng hành chính.

#### **Từ khóa của án lệ:**

“Thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính”; “Thời điểm bắt đầu thời hiệu khởi kiện vụ án hành chính”.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

---

<sup>1</sup> Dự thảo án lệ do Vụ Giám đốc kiểm tra III Tòa án nhân dân tối cao đề xuất.

Ngày 17/9/2004, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 6057/QĐ-UBND thu hồi 57.109 m<sup>2</sup> đất tại xã X và xã D, huyện S giao cho Công ty cổ phần BOT Quốc lộ 2 để cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2 đoạn Nội Bài - Vĩnh Yên thuộc địa bàn thành phố H, trong đó có thửa đất số 19, tờ bản đồ 01 của hộ gia đình anh Nguyễn Trung T sử dụng nằm trong phạm vi bị thu hồi, giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án.

*Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, anh Nguyễn Trung T trình bày:*

Năm 1987, Ủy ban nhân dân xã X giao cho ông Nguyễn Văn Đ sử dụng mảnh đất 192 m<sup>2</sup> (có chiều rộng 8 m, chiều dài 24 m). Năm 1990, ông Đ đã chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất này cho anh T. Trong quá trình sử dụng đất anh T đã lấn sang đất nông nghiệp ở bên cạnh và năm 1993 anh T đã phải nộp cho Ủy ban nhân dân xã X 1.960.000 đồng để được sử dụng 53m<sup>2</sup> đất mà anh T đã lấn được.

Năm 2005, Ủy ban nhân dân huyện S tiến hành kiểm kê, giải phóng mặt bằng 84m<sup>2</sup> đất ở của hộ gia đình anh để thực hiện dự án mở rộng đường Quốc lộ 2, nhưng Hội đồng giải phóng mặt bằng chỉ phê duyệt, hỗ trợ công tôn tạo diện tích đất thu hồi 84m<sup>2</sup> của hộ gia đình anh là 50.000đồng/m<sup>2</sup>. Diện tích đất 83,9m<sup>2</sup> bị thu hồi có nguồn gốc hợp pháp, đủ điều kiện để được đền bù theo đơn giá đất thổ cư. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân huyện S không ban hành quyết định thu hồi đất, không giao quyết định phê duyệt phương án bồi thường, ghi nhận diện tích đất bị thu hồi thấp hơn diện tích đất thực tế, tổ chức cưỡng chế trái quy định của pháp luật. Anh T đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S.

Ngày 11/5/2010, Ủy ban nhân dân huyện S đã ban hành Quyết định số 3188/QĐ-UBND trả lời khiếu nại của gia đình anh T về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S nên ngày 22/9/2011 anh T làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết các yêu cầu sau:

1. Xác định hành vi thu hồi đất của ủy ban nhân dân huyện S là trái quy định của pháp luật vì không ban hành và giao quyết định thu hồi đất; quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ; tổ chức cưỡng chế trái pháp luật; phải hoàn thiện lại toàn bộ hồ sơ, trình tự thủ tục thu hồi đất.

2. Xem xét lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, vì trong phương án bồi thường cho gia đình anh chỉ được hỗ trợ 84m<sup>2</sup> đất là không đúng thực tế đất bị thu hồi; đất của hộ gia đình anh không phải là đất hành lang giao thông mà là đất thổ cư. Buộc Ủy ban nhân dân huyện S phải bồi thường cho gia đình anh toàn bộ diện tích đất 84m<sup>2</sup> đất đã thu hồi theo đơn giá bồi thường đất thổ cư tại thời điểm giải quyết vụ án năm 2011 và các tài sản trên đất.

*Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:*

Ngày 22/12/2003, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có Quyết định số 3863/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2 đoạn Nội

Bài - Vĩnh Yên. Ngày 17/9/2004, Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định số 6057/QĐ-UBND về việc thu hồi 57.109m<sup>2</sup> đất tại xã X và xã D, huyện S; Giao cho Công ty cổ phần BOT Quốc lộ 2 để cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2 đoạn Nội Bài - Vĩnh Yên thuộc địa bàn thành phố H.

Về quá trình thực hiện dự án:

Ngày 22/10/2004, Ủy ban nhân dân huyện S đã ban hành Quyết định số 1790/QĐ-UB về việc thành lập Hội đồng giải phóng mặt bằng dự án.

Ngày 10/11/2004, Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Quyết định số 1868/QĐ-UB thành lập tổ công tác giúp việc Hội đồng giải phóng mặt bằng dự án.

Ngày 01/4/2005, Tổ công tác giải phóng mặt bằng đã tiến hành họp dân, phổ biến chính sách đền bù dự án; tham gia có toàn bộ các hộ dân có đất thổ cư, tài sản bị ảnh hưởng của dự án.

Ngày 04/3/2008, Tổ công tác đã tiến hành kiểm kê khối lượng đền bù diện tích đất, tài sản, hoa màu trên đất nằm trong phạm vi giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình anh T tại thửa đất số 19, tờ 01 gồm: 83,9m<sup>2</sup> đất hành lang giao thông; 83,9m<sup>2</sup> sân bê tông; biển tôn 02 cái: 6,2m<sup>2</sup>; 02 cọc sắt cao 5m; 10m mái prôxi măng; 02 cây Bàng (gia đình anh T không ký vào biên bản kiểm kê).

Căn cứ biên bản số 03/BB-GPMB ngày 04/03/2008 Công ty cổ phần BOT Quốc lộ 2 đã lập Phương án số 03/PA-GPMB-DAQL2 ngày 10/6/2009 hỗ trợ công tôn tạo đối với 84m<sup>2</sup> đất hành lang giao thông và công trình hoa màu trên đất của hộ anh T trình Hội đồng giải phóng mặt bằng thẩm định và được Ủy ban nhân dân huyện S ban hành Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 (đợt 13), với tổng số tiền được bồi thường, hỗ trợ là 16.837.704 đồng.

Diện tích đất bị thu hồi của hộ gia đình anh T là 83,95m<sup>2</sup> được Ủy ban nhân dân xã xác định là đất hành lang giao thông do đó Ủy ban nhân dân huyện không ban hành Quyết định thu hồi đất; tổ công tác giải phóng mặt bằng đã tiến hành lập biên bản kiểm kê đất lưu không để trình Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện thẩm định và được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt, hỗ trợ công tôn tạo theo quy định.

Nội dung giao quyết định thu hồi đất và phương án bồi thường:

Đối với quyết định thu hồi đất: Ủy ban nhân dân không ban hành.

Đối với Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ: Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của Ủy ban nhân dân huyện S đã được Hội đồng bồi thường thông báo công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn nơi thu hồi đất, trên hệ thống truyền thanh. Đối với Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 của Ủy ban nhân dân huyện S căn cứ khoản 2, Điều 58 Quyết định 18/2008/QĐ-UBND ngày 29/9/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố H ban hành Quyết định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố H; Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã chỉ đạo tổ công tác

phối hợp với UBND cấp xã và người được Nhà nước giao đất, cho thuê đất tổ chức niêm yết toàn bộ các phương án, bồi thường, hỗ trợ (lập biên bản niêm yết công khai có xác nhận của Chủ tịch UBND cấp xã, Chủ tịch Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam cấp xã tổ trưởng dân phố hoặc trưởng thôn nơi có thu hồi đất). Việc giao các quyết định nêu trên không thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện S.

Ủy ban nhân dân huyện S không đồng ý với nội dung yêu cầu bồi thường về đất theo giá thị trường của hộ anh T do việc thực hiện công tác bồi thường dự án đã được thực hiện đúng theo quy định từ năm 2005 đến năm 2009. Ủy ban nhân dân huyện khẳng định việc thực hiện dự án đã được Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo, triển khai theo đúng quy định về bồi thường, hỗ trợ. Nội dung như đơn khởi kiện của anh T là không có căn cứ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2014/HCST ngày 16/9/2014, Tòa án nhân dân huyện S đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung T với Ủy ban nhân dân huyện S; xác định hành vi không giao Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của Ủy ban nhân dân huyện S cho anh T là thiếu sót. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện khác của anh T đối với Ủy ban nhân dân huyện S.

Ngày 30/9/2014, anh T có đơn kháng cáo.

Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ngày 15/9/2015, anh T được Ủy ban nhân dân huyện S giao Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của Ủy ban nhân dân huyện S về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án cải tạo nâng cấp Quốc lộ 2 đoạn Nội Bài - Vĩnh Yên thuộc địa phận xã X, huyện S, thành phố H và Phương án chi tiết số 03/PA-GPMB ngày 10/6/2009.

Cùng ngày 15/9/2015, anh T có đơn xin rút toàn bộ nội dung đơn khởi kiện. Tòa án nhân dân thành phố H đã chấp nhận đơn xin rút đơn khởi kiện của anh Tiến, ban hành Quyết định số 60/QĐĐC-HCPT ngày 18/9/2015 hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2014/HCST ngày 16/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện S, thành phố H và đình chỉ giải quyết vụ án.

Ngày 31/5/2016 và ngày 12/4/2017, anh T có đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu hủy một phần Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 của Ủy ban nhân dân huyện S và Phương án bồi thường chi tiết số 03/PA-GPMB ngày 10/6/2009; đề nghị Tòa án tuyên hủy một phần quyết định nêu trên (phần liên quan đến diện tích đất thu hồi của gia đình anh và tài sản trên đất) do áp dụng không đúng các quy định của pháp luật, buộc Ủy ban nhân dân huyện S phải bồi thường toàn bộ diện tích đất thu hồi là 83,9 m<sup>2</sup> theo khung giá đền bù đất thổ cư năm 2015 và đền bù toàn bộ tài sản trên đất bị thu hồi. Bổ sung các loại tài sản còn thiếu so với Phương án bồi thường chi tiết số 03 gồm: 02 cây Bàng; 12 mét cống thoát nước xây bằng gạch; 01 giếng khoan có chiều sâu 25m.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 136/2018/QĐST-HC ngày 20/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố H quyết định: Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số 227/2017/TLST-HC ngày 02/10/2017.

Ngày 26/11/2018, anh Nguyễn Trung T có đơn kháng cáo.

Tại Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 37/2019/QĐ-PT ngày 23/5/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Trung T, giữ nguyên Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 136/2018/QĐST-HC ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 03/9/2019, anh Nguyễn Trung T có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định hành chính phúc thẩm nêu trên.

Ngày 20/4/2021, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 14/2021/KN-HC kháng nghị đối với Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 37/2019/QĐ-PT ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, hủy Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 37/2019/QĐ-PT ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao Hà Nội và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 136/2018/QĐST-HC ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao; hủy Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 37/2019/QĐ-PT ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 136/2018/QĐST-HC ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Ngày 22/9/2011, anh T có đơn khởi kiện với yêu cầu: Xác định hành vi thu hồi đất của Ủy ban nhân dân huyện S là trái với các quy định của pháp luật vì không ban hành quyết định thu hồi đất, không tổ chức giao nhận quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, phải hoàn thiện lại toàn bộ hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi đất; phải bồi thường cho gia đình anh toàn bộ diện tích thu hồi thực tế theo đơn giá bồi thường đất thổ cư tại thời điểm năm 2011.

[2] Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2014/HCST ngày 16/9/2014, Tòa án nhân dân huyện S đã quyết định: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Trung T với Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn; xác định hành vi không giao

Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của Ủy ban nhân dân huyện S cho anh T là thiếu sót. Không chấp nhận các yêu cầu khởi kiện khác của anh Tiến đối với Ủy ban nhân dân huyện S.

[3] Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ngày 15/9/2015, anh T được Ủy ban nhân dân huyện S giao Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009; Quyết định số 1446/QĐ-UBND ngày 31/5/2007 của Ủy ban nhân dân huyện S và Phương án chi tiết số 03/PA-GPMB ngày 10/6/2009. Cùng ngày 15/9/2015, anh T có đơn xin rút toàn bộ nội dung đơn khởi kiện và xin vắng mặt tại phiên tòa.

[4] Tòa án nhân dân thành phố H đã chấp nhận đơn xin rút đơn khởi kiện của anh T, ban hành Quyết định phúc thẩm số 60/QĐĐC-HCPT ngày 18/9/2015 hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2014/HCST ngày 16/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện S, thành phố H và đình chỉ giải quyết vụ án.

[5] Ngày 31/5/2016 và ngày 12/4/2017, anh T có đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu hủy một phần Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 của ủy ban nhân dân huyện S và Phương án bồi thường chi tiết số 03/PA-GPMB ngày 10/6/2009; đề nghị Tòa án tuyên hủy một phần quyết định nêu trên (phần liên quan đến diện tích đất thu hồi của gia đình anh và tài sản trên đất) do áp dụng không đúng các quy định của pháp luật, buộc Ủy ban nhân dân huyện S phải bồi thường toàn bộ diện tích đất thu hồi là 83,9m<sup>2</sup> theo khung giá đền bù đất thổ cư năm 2015 và đền bù toàn bộ tài sản trên đất bị thu hồi. Bổ sung các loại tài sản còn thiếu so với Phương án bồi thường chi tiết số 03.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đều cho rằng: Mặc dù ngày 15/9/2015, anh T mới nhận được Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và Phương án bồi thường chi tiết số 03/PA-GPMB ngày 10/6/2009 của ủy ban nhân dân huyện S, nhưng thực tế anh T đã biết được nội dung Quyết định số 9668/QĐ-UBND và Phương án bồi thường chi tiết số 03/PA-GPMB, thể hiện ở việc anh T đã khiếu nại và được Ủy ban nhân dân huyện S giải quyết bằng Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 11/5/2010. Tháng 5/2016, anh T khởi kiện lại vụ án là đã hết thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 104 Luật Tố tụng hành chính năm 2010 và đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng, bởi lẽ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 104 Luật Tố tụng hành chính năm 2010 và điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/11/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính. Anh T là đối tượng bị tác động trực tiếp bởi Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 của Ủy ban nhân dân huyện S, nên thời hiệu khởi kiện vụ án phải được tính từ ngày anh T nhận được Quyết định số 9668/QĐ-UBND. Ngày 15/9/2015, anh T được Ủy ban nhân dân huyện S giao Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 cùng Phương án bồi thường chi tiết số 03/PA-GPMB ngày 10/6/2009. Ngày 31/5/2016 và ngày 12/4/2017, anh T có đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung một phần Quyết định số 9668/QĐ-UBND kèm Phương án bồi thường chi tiết số

03/PA-GPMB là còn thời hiệu khởi kiện. Mặt khác, Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 11/5/2010 của Ủy ban nhân dân huyện S cũng không có nội dung nào về giải quyết khiếu nại của anh T đối với Quyết định số 9668/QĐ-UBND và Phương án bồi thường chi tiết số 03/PA-GPMB như Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm đã nhận định.

[7] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án vì lý do hết thời hiệu khởi kiện và Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh Tiến là không đúng.

Từ nhận định trên,

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 266, khoản 1 Điều 271, khoản 3 Điều 272 và khoản 2 Điều 274 Luật Tố tụng hành chính.

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 14/2021/KN-HC ngày 20/4/2021 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao đối với Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 37/2019/QĐ-PT ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Hủy Quyết định giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 37/2019/QĐ-PT ngày 23/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội và Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hành chính số 136/2018/QĐST-HC ngày 20/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố H; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

## NỘI DUNG ÁN LỆ

*“[6] Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm đều cho rằng: Mặc dù ngày 15/9/2015, anh T mới nhận được Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và Phương án bồi thường chi tiết số 03/PA-GPMB ngày 10/6/2009 của Ủy ban nhân dân huyện S, nhưng thực tế anh T đã biết được nội dung Quyết định số 9668/QĐ-UBND và Phương án bồi thường chi tiết số 03/PA-GPMB, thể hiện ở việc anh T đã khiếu nại và được Ủy ban nhân dân huyện S giải quyết bằng Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 11/5/2010. Tháng 5/2016, anh T khởi kiện lại vụ án là đã hết thời hiệu theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 104 Luật Tố tụng hành chính năm 2010 và đình chỉ giải quyết vụ án là không đúng, bởi lẽ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 104 Luật Tố tụng hành chính năm 2010 và điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 02/2011/NQ-HĐTP ngày 29/11/2011 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thời hiệu khởi kiện là 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính. Anh T là đối tượng bị tác động trực tiếp bởi Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 của Ủy ban nhân dân huyện S, nên thời hiệu khởi kiện vụ án phải được tính từ ngày anh T nhận được Quyết định số 9668/QĐ-UBND. Ngày 15/9/2015, anh*

*T được Ủy ban nhân dân huyện S giao Quyết định số 9668/QĐ-UBND ngày 24/8/2009 cùng Phương án bồi thường chi tiết số 03/PA- GPMB ngày 10/6/2009. Ngày 31/5/2016 và ngày 12/4/2017, anh T có đơn khởi kiện và khởi kiện bổ sung một phần Quyết định số 9668/QĐ-UBND kèm Phương án bồi thường chi tiết số 03/PA-GPMB là còn thời hiệu khởi kiện. Mặt khác, Quyết định số 3188/QĐ-UBND ngày 11/5/2010 của Ủy ban nhân dân huyện S cũng không có nội dung nào về giải quyết khiếu nại của anh T đối với Quyết định số 9668/QĐ-UBND và Phương án bồi thường chi tiết số 03/PA-GPMB như Tòa án cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm đã nhận định.*

*Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án vì lý do hết thời hiệu khởi kiện và Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh T là không đúng.”*